

I. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								% Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1: Vẽ kĩ thuật (11 tiết - 6,75đ)	1.1. Tiêu chuẩn bản vẽ kĩ thuật. (2 tiết)	3		2						1,25đ
		1.2. Hình chiếu vuông góc. (3 tiết)	2		1			1			1,75đ
		1.3. Bản vẽ chi tiết. (2 tiết)		1	1						1,25đ
		1.4. Bản vẽ lắp. (2 tiết)	1					1			1,25đ
		1.5. Bản vẽ nhà. (2 tiết)	3		2						1,25đ
2	Chủ đề 2: Cơ khí (5 tiết - 3,25đ)	2.1. Vật liệu cơ khí. (2 tiết)	1			1					1,25đ
		2.2. Truyền và biến đổi chuyển động. (3 tiết)	2		2					1	2,0đ
Số câu			12	1	8	1		2		1	100%
Điểm số			3,0	1,0	2,0	1,0	2,0		1,0		100%
(%) điểm số			40%		30%		20%		10%		100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 8

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ của yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1: Vẽ kỹ thuật (11 tiết - 6,75đ)	1.1. Tiêu chuẩn bản vẽ kỹ thuật. (2 tiết)	* Nhận biết: - Gọi tên được các loại khổ giấy. (C1) - Nêu được một số loại tỉ lệ: 1:1; 1:2; 1:20; 2:1; 5:1... (C2) - Nêu được tiêu chuẩn về đường nét. (C3)	TN 3 (Câu 1,2,3)			
			* Thông hiểu: - Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy. (C6) - Mô tả được tiêu chuẩn về ghi kích thước, đường nét.thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật. (C7)		TN 2 (Câu 6,7)		
		1.2. Hình chiếu vuông góc. (3 tiết)	* Nhận biết: - Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. (C4) - Nhận dạng được các hình chiếu vuông góc. (C11)	TN 2 (Câu 4, 11)			
			* Thông hiểu: - Sắp xếp đúng vị trí tương đối giữa các hình chiếu trong phương pháp chiếu góc thứ nhất. (C5)		TN 1 (Câu 5)		
			* Vận dụng: - Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối, đa diện heo phương pháp chiếu góc thứ nhất. (C23)			TL 1 (Câu 23)	
			* Nhận biết: - Trình bày nội dung bản vẽ chi tiết.(C21)	TL 1 (Câu 21)			

		1.3. Bản vẽ chi tiết. (2 tiết)	* Thông hiểu: - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản. (C13)		TN 1 (Câu 13)		
		1.4. Bản vẽ lắp. (2 tiết)	* Nhận biết: - Trình bày được trình tự các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản. (C10)	TN 1 (Câu 10)			
			* Vận dụng: - Đọc được bản vẽ lắp đơn giản theo đúng trình tự các bước. (C24)			TL 1 (Câu 24)	
		1.5. Bản vẽ nhà. (2 tiết)	* Nhận biết: - Nêu được khái niệm của bản vẽ nhà. (C9) - Nhận biết được kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà. (C12) - Trình bày được các bước đọc bản vẽ nhà đơn giản. (C14)	TN 3 (Câu 9, 12, 14)			
			* Thông hiểu: - Mô tả được trình tự nội dung của bản vẽ nhà. (C8) - Mô tả được hình biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao. (C16)		TN 2 (Câu 8, 16)		
		2.1. Vật liệu cơ khí. (2 tiết)	* Nhận biết: - Kể tên được một số nhóm vật liệu thông dụng. (C15)	TN 1 (Câu 15)			
			* Thông hiểu: - Mô tả được khái quát về vật liệu cơ khí. (C22)		TL 1 (Câu 22)		

2	Chủ đề 2 Cơ khí (5 tiết - 3,25đ)	2.2. Truyền và biến đổi chuyển động. (3 tiết)	* Nhận biết: - Trình bày được nội dung cơ bản của truyền và biến đổi chuyển động. (C17) - Trình bày được cấu tạo của một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động. (C18)	TN 2 (Câu 17,18)			
			* Thông hiểu: - Mô tả được quy trình tháo lắp một số bộ truyền và biến đổi chuyển động. (C19,20)		TN 2 (Câu 19,20)		
			* Vận dụng cao: - Tính toán được tỉ số truyền của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động.(C25)				TL 1 (Câu 25)
Tổng				13	9	2	1

Họ và tên:.....Lớp:.....

Mã đề 801

Điểm	Lời phê của thầy (cô) giáo

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là

- A. A1. B. A0. C. A4. D. Các khổ giấy có kích thước như nhau.

Câu 2: Một số loại tỉ lệ trong bảng vẽ kỹ thuật:

- A. tỉ lệ thu nhỏ. B. tỉ lệ giữ nguyên.
C. tỉ lệ phóng to. D. tỉ lệ thu nhỏ, tỉ lệ giữ nguyên, tỉ lệ phóng to.

Câu 3: Các loại đường nét dùng trong bản vẽ kỹ thuật:

- A. nét liền đậm; nét đứt.
B. nét liền; nét gạch dài - chấm - mảnh.
C. nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm.
D. nét đứt mảnh; nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm; nét liền mảnh.

Câu 4: Có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 5: Vị trí tương đối giữa các hình chiếu trong phương pháp chiếu góc thứ nhất là hình chiếu đứng nằm

- A. dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
B. trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên trái hình chiếu đứng.
C. bên trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
D. dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.

Câu 6: Kích thước của khổ giấy A1 là

- A. 1 189 x 841. B. 841 x 594. C. 420 x 297. D. 297 x 210.

Câu 7: Để vẽ đường tâm, đường trục đối xứng, cần dùng loại nét vẽ

- A. liền đậm. B. gạch dài - chấm - mảnh. C. liền mảnh. D. đứt mảnh.

Câu 8: Các bộ phận của bản vẽ nhà cho ta biết

- A. số phòng, chiều cao ngôi nhà.
B. số cửa đi và số phòng.
C. số phòng, số cửa đi, số cửa sổ và các bộ phận khác của ngôi nhà.
D. các bộ phận khác và số phòng của ngôi nhà.

Câu 9: Bản vẽ nhà thuộc bản vẽ

- A. cơ khí. B. xây dựng. C. nhà. D. lắp.

Câu 10: Trình tự đọc bản vẽ lắp là

- A. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
- B. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
- C. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
- D. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.

Câu 11: Hình chiếu đứng là hình chiếu vuông góc của vật thể theo hướng chiếu từ

- A. trước lên mặt phẳng chiếu đứng.
- B. trên lên mặt phẳng chiếu đứng.
- C. trái lên mặt phẳng chiếu đứng.
- D. phải lên mặt phẳng chiếu đứng.

Câu 12: Kí hiệu ở hình 1 quy ước bộ phận nào của ngôi nhà?

- A. Cửa đi đơn một cánh.
- B. Cửa đi đơn bốn cánh.
- C. Cửa sổ đơn.
- D. Cửa sổ kép.



Hình 1

Câu 13: Làm tủ cạnh, mạ kẽm thuộc yêu cầu gia công và xử lý bề mặt của bản vẽ nào?

- A. Bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết.
- B. Bản vẽ chi tiết.
- C. Bản vẽ lắp.
- D. Bản vẽ nhà.

Câu 14: Trình tự đọc bản vẽ nhà gồm

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

Câu 15: Căn cứ vào tính chất vật liệu cơ khí, vật liệu chia làm hai nhóm:

- A. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.
- B. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại.
- C. vật liệu kim loại, vật liệu tổng hợp.
- D. vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.

Câu 16: Mặt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao là mặt

- A. bằng.
- B. đứng.
- C. cắt.
- D. ngang.

Câu 17: Nhiệm vụ của các bộ truyền chuyển động là

- A. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
- B. biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
- C. truyền tốc độ nhanh hơn.
- D. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy, biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.

Câu 18: Bộ truyền động đai **không** có bộ phận nào sau đây?

- A. Bánh răng.
- B. Bánh dẫn.
- C. Bánh bị dẫn.
- D. Dây đai.

Câu 19: Cơ cấu tay quay – con trượt biến chuyển động

- A. quay thành chuyển động tịnh tiến.
- B. tịnh tiến thành chuyển động quay.
- C. quay thành chuyển động lắc.
- D. lắc thành chuyển động quay.

Câu 20: Cơ cấu tay quay - thanh lắc **không** có bộ phận

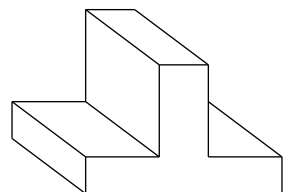
- A. tay quay.
- B. con trượt.
- C. thanh truyền.
- D. giá đỡ.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21: (1,0 điểm) Trình bày nội dung của bản vẽ chi tiết.

Câu 22: (1,0 điểm) Mô tả khái quát về vật liệu cơ khí.

Câu 23: (1,0 điểm) Vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh và hình chiếu bằng của vật thể đã cho hình 2.



Hình 2

Câu 24: (1,0 điểm) Nêu trình tự đọc bản vẽ lắp đơn giản.

Câu 25: (1,0 điểm) Đĩa xích của xe đạp có 50 răng, đĩa líp có 20 răng. Tính tỉ số truyền i và cho biết chi tiết nào quay nhanh hơn.

----- HẾT -----

Họ và tên:.....Lớp:.....

Mã đề 802

Điểm	Lời phê của thầy (cô) giáo

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2. Chọn đáp án đúng về vị trí tương đối giữa các hình chiếu trong phương pháp chiếu góc thứ nhất là hình chiếu đứng nằm

- A. trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên trái hình chiếu đứng.
B. dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
C. dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
D. bên trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.

Câu 3. Trình tự đọc bản vẽ nhà theo mấy bước?

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 4. Một số loại tỉ lệ trong bảng vẽ kỹ thuật:

- A. tỉ lệ thu nhỏ. B. tỉ lệ giữ nguyên.
C. tỉ lệ phóng to. D. tỉ lệ thu nhỏ, tỉ lệ giữ nguyên, tỉ lệ phóng to.

Câu 5. Trình tự đọc bản vẽ lắp là

- A. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
C. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
D. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.

Câu 6. Để thu được hình chiếu đứng, hướng chiếu từ:

- A. trên lên mặt phẳng chiếu đứng. B. trái lên mặt phẳng chiếu đứng.
C. trước lên mặt phẳng chiếu đứng. D. trái lên mặt phẳng chiếu đứng.

Câu 7. Nội dung cần hiểu khi đọc các bộ phận của bản vẽ nhà cho ta biết ?

- A. Số phòng, chiều cao ngôi nhà.
B. Số phòng, số cửa đi, số cửa sổ và các bộ phận khác của ngôi nhà.
C. Số cửa đi và số phòng.
D. Các bộ phận khác và số phòng của ngôi nhà.

Câu 8. Cơ cấu tay quay – con trượt thuộc cơ cấu:

- A. Biến chuyển động quay thành chuyển động lắc.
B. Biến chuyển động lắc thành chuyển động quay.
C. Biến chuyển động tịnh tiến thành chuyển động quay.
D. Biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến.

Câu 9. Cấu tạo của cơ cấu tay quay - thanh lắc **không** có bộ phận

- A. giá đỡ. B. tay quay. C. thanh truyền. D. con trượt.

Câu 10. Căn cứ vào tính chất vật liệu cơ khí, vật liệu chia làm hai nhóm:

- A. vật liệu kim loại, vật liệu tổng hợp.
- B. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại.
- C. vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.
- D. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.

Câu 11. Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là:

- A. A4.
- B. Các khổ giấy có kích thước như nhau.
- C. A0.
- D. A1.

Câu 12. Các loại đường nét dùng trong bản vẽ kỹ thuật:

- A. nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm.
- B. nét liền; nét gạch dài - chấm - mảnh.
- C. nét đứt mảnh; nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm; nét liền mảnh.
- D. nét liền đậm; nét đứt.

Câu 13. Kích thước của khổ giấy A1 là

- A. 297 x 210.
- B. 420 x 297.
- C. 841 x 594.
- D. 1 189 x 841.

Câu 14. Bản vẽ nhà thuộc bản vẽ

- A. lắp.
- B. xây dựng.
- C. cơ khí.
- D. nhà.

Câu 15. Để vẽ đường tâm, đường trục đối xứng, cần dùng loại nét vẽ

- A. liền mảnh.
- B. liền đậm.
- C. gạch dài - chấm - mảnh.
- D. đứt mảnh.

Câu 16. Nhiệm vụ của các bộ truyền chuyển động là

- A. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
- B. biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
- C. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy, biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
- D. truyền tốc độ nhanh hơn.

Câu 17. Kí hiệu ở hình 1 quy ước bộ phận nào của ngôi nhà?

- A. Cửa đi đơn bốn cánh.
- B. Cửa sổ kép.
- C. Cửa đi đơn một cánh.
- D. Cửa sổ kép.



Hình 1

Câu 18. Mặt nào biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao?

- A. Mặt cắt.
- B. Mặt bằng.
- C. Mặt ngang.
- D. Mặt đứng.

Câu 19. Cấu tạo bộ truyền động đai **không** có bộ phận nào?

- A. Bánh răng
- B. Bánh bị dẫn
- C. Bánh dẫn
- D. Dây đai

Câu 20. Làm tủ cạnh, mạ kẽm thuộc yêu cầu gia công và xử lý bề mặt của bản vẽ nào?

- A. Bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết.
- B. Bản vẽ lắp.
- C. Bản vẽ chi tiết.
- D. Bản vẽ nhà.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

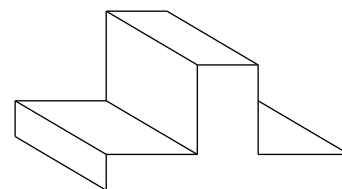
Câu 21: (1,0 điểm) Trình bày nội dung của bản vẽ chi tiết.

Câu 22: (1,0 điểm) Mô tả khái quát về vật liệu cơ khí

Câu 23: (1,0 điểm) Vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh và hình chiếu bằng của vật thể đã cho hình 2

Câu 24: (1,0 điểm) Nêu trình tự đọc bản vẽ lắp đơn giản.

Câu 25: (1,0 điểm) Đĩa xích của xe đạp có 50 răng, đĩa líp có 20 răng. Tính tỉ số truyền i và cho biết chi tiết nào quay nhanh hơn.



Hình 2

----- HẾT -----

Họ và tên:.....Lớp:.....

Mã đề 803

Điểm	Lời phê của thầy (cô) giáo

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Kích thước của khổ giấy A1 là

- A. 420 x 297. B. 1 189 x 841. C. 841 x 594. D. 297 x 210.

Câu 2. Cấu tạo bộ truyền động đai **không** có bộ phận nào?

- A. Bánh răng. B. Dây đai. C. Bánh dẫn. D. Bánh bị dẫn.

Câu 3. Cơ cấu tay quay – con trượt biến chuyển động

- A. quay thành chuyển động tịnh tiến.
B. lắc thành chuyển động quay.
C. quay thành chuyển động lắc.
D. tịnh tiến thành chuyển động quay.

Câu 4. Nhiệm vụ của các bộ truyền chuyển động là

- A. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
B. biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
C. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy, biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
D. truyền tốc độ nhanh hơn.

Câu 5. Cấu tạo của cơ cấu tay quay - thanh lắc **không** có bộ phận

- A. con trượt. B. thanh truyền. C. giá đỡ. D. tay quay.

Câu 6. Một số loại tỉ lệ trong bảng vẽ kĩ thuật:

- A. tỉ lệ thu nhỏ. B. tỉ lệ giữ nguyên.
C. tỉ lệ thu nhỏ, tỉ lệ giữ nguyên, tỉ lệ phóng to. D. tỉ lệ phóng to.

Câu 7. Có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 8. Làm tù cạnh, mạ kẽm thuộc yêu cầu gia công và xử lí bề mặt của bản vẽ nào?

- A. Bản vẽ lắp. B. Bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết.
C. Bản vẽ chi tiết. D. Bản vẽ nhà.

Câu 9. Kí hiệu ở hình 1 quy ước bộ phận nào của ngôi nhà?

- A. Cửa đi đơn một cánh. B. Cửa đi đơn bốn cánh.
C. Cửa sổ kép. D. Cửa sổ đơn.

Hình 1



Câu 10. Để vẽ đường tâm, đường trục đối xứng, cần dùng loại nét vẽ

- A. gạch dài - chấm - mảnh. B. đứt mảnh.
C. liền mảnh. D. liền đậm.

Câu 11. Trình tự đọc bản vẽ lắp là

- A. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.

C. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.

D. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.

Câu 12. Các loại đường nét dùng trong bản vẽ kỹ thuật:

A. nét đứt mảnh; nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm; nét liền mảnh.

B. nét liền; nét gạch dài - chấm - mảnh.

C. nét liền đậm; nét đứt.

D. nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm.

Câu 13. Bản vẽ nhà thuộc bản vẽ

A. xây dựng.

B. cơ khí.

C. nhà.

D. lắp.

Câu 14. Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là

A. Các khổ giấy có kích thước như nhau.

B. A4.

C. A0.

D. A1.

Câu 15. Trình tự đọc bản vẽ nhà theo mấy bước?

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 5.

Câu 16. Căn cứ vào tính chất vật liệu cơ khí, vật liệu chia làm hai nhóm:

A. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại.

B. vật liệu kim loại, vật liệu tổng hợp.

C. vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.

D. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.

Câu 17. Hình chiếu đứng là hình chiếu vuông góc của vật thể theo hướng chiếu từ

A. trái lên mặt phẳng chiếu đứng

B. trên lên mặt phẳng chiếu đứng

C. trước lên mặt phẳng chiếu đứng.

D. trái lên mặt phẳng chiếu đứng.

Câu 18. Vị trí tương đối giữa các hình chiếu trong phương pháp chiếu góc thứ nhất là hình chiếu đứng nằm

A. dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.

B. dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.

C. trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên trái hình chiếu đứng.

D. bên trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.

Câu 19. Mặt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao là mặt

A. cắt.

B. đứng.

C. ngang.

D. bằng.

Câu 20. Nội dung cần hiểu khi đọc các bộ phận của bản vẽ nhà cho ta biết ?

A. Số cửa đi và số phòng.

B. Số phòng, chiều cao ngôi nhà.

C. Các bộ phận khác và số phòng của ngôi nhà.

D. Số phòng, số cửa đi, số cửa sổ và các bộ phận khác của ngôi nhà.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

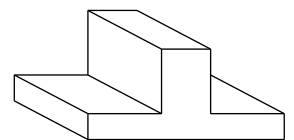
Câu 21: (1,0 điểm) Trình bày nội dung của bản vẽ chi tiết.

Câu 22: (1,0 điểm) Mô tả khái quát về vật liệu cơ khí.

Câu 23: (1,0 điểm) Vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh và hình chiếu bằng của vật thể đã cho hình 2

Câu 24: (1,0 điểm) Nêu trình tự đọc bản vẽ lắp đơn giản.

Câu 25: (1,0 điểm) Đĩa xích của xe đạp có 50 răng, đĩa líp có 20 răng. Tính tỉ số truyền i và cho biết chi tiết nào quay nhanh hơn.



Hình 2

----- HẾT -----

Họ và tên:.....Lớp:.....

Mã đề 804

Điểm	Lời phê của thầy (cô) giáo

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Cơ cấu tay quay – con trượt biến chuyển động

- A. quay thành chuyển động lắc.
- B. lắc thành chuyển động quay.
- C. quay thành chuyển động tịnh tiến.
- D. tịnh tiến thành chuyển động quay.

Câu 2. Mặt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao là mặt

- A. cắt.
- B. đứng.
- C. bằng.
- D. ngang.

Câu 3. Các loại đường nét dùng trong bản vẽ kỹ thuật:

- A. nét liền; nét gạch dài - chấm - mảnh.
- B. nét đứt mảnh; nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm; nét liền mảnh.
- C. nét liền đậm; nét đứt.
- D. nét gạch dài - chấm - mảnh; nét liền đậm.

Câu 4. Hình chiếu đứng là hình chiếu vuông góc của vật thể theo hướng chiếu từ

- A. trái lên mặt phẳng chiếu đứng.
- B. trên lên mặt phẳng chiếu đứng.
- C. trái lên mặt phẳng chiếu đứng.
- D. trước lên mặt phẳng chiếu đứng.

Câu 5. Cấu tạo của cơ cấu tay quay - thanh lắc **không** có bộ phận

- A. giá đỡ.
- B. thanh truyền.
- C. con trượt.
- D. tay quay.

Câu 6. Bản vẽ nhà thuộc bản vẽ

- A. nhà.
- B. lắp.
- C. cơ khí.
- D. xây dựng.

Câu 7. Trình tự đọc bản vẽ nhà theo mấy bước?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 5.
- D. 4.

Câu 8. Một số loại tỉ lệ trong bảng vẽ kỹ thuật:

- A. tỉ lệ thu nhỏ.
- B. tỉ lệ giữ nguyên.
- C. tỉ lệ phóng to.
- D. tỉ lệ thu nhỏ, tỉ lệ giữ nguyên, tỉ lệ phóng to.

Câu 9. Nội dung cần hiểu khi đọc các bộ phận của bản vẽ nhà cho ta biết ?

- A. Các bộ phận khác và số phòng của ngôi nhà.
- B. Số phòng, chiều cao ngôi nhà.
- C. Số phòng, số cửa đi, số cửa sổ và các bộ phận khác của ngôi nhà.
- D. Số cửa đi và số phòng.

Câu 10. Cấu tạo bộ truyền động đai **không** có bộ phận nào?

- A. Bánh dẫn
- B. Bánh bị dẫn
- C. Dây đai.
- D. Bánh răng

- Câu 11.** Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là
A. A0. **B.** A1. **C.** Các khổ giấy có kích thước như nhau. **D.** A4.
- Câu 12.** Kí hiệu ở hình 1 quy ước bộ phận nào của ngôi nhà?
A. Cửa sổ kép. **B.** Cửa đi đơn một cánh.
C. Cửa đi đơn bốn cánh. **D.** Cửa sổ đơn. **Hình 1**
- 
- Câu 13.** Căn cứ vào tính chất vật liệu cơ khí, vật liệu chia làm hai nhóm:
A. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.
B. vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại.
C. vật liệu phi kim loại, vật liệu tổng hợp.
D. vật liệu kim loại, vật liệu tổng hợp.
- Câu 14.** Nhiệm vụ của các bộ truyền chuyển động là
A. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy, biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
B. biến đổi tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
C. truyền tốc độ cho phù hợp với tốc độ của các bộ phận trong máy.
D. truyền tốc độ nhanh hơn.
- Câu 15.** Vị trí tương đối giữa các hình chiếu trong phương pháp chiếu góc thứ nhất là hình chiếu đứng nằm
A. bên trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
B. trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên trái hình chiếu đứng.
C. dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
D. dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh nằm bên phải hình chiếu đứng.
- Câu 16.** Để vẽ đường tâm, đường trục đối xứng, cần dùng loại nét vẽ
A. liền đậm. **B.** liền mảnh.
C. gạch dài - chấm - mảnh. **D.** đứt mảnh.
- Câu 17.** Có mấy mặt phẳng hình chiếu?
A. 2. **B.** 3. **C.** 5. **D.** 4.
- Câu 18.** Kích thước của khổ giấy A1 là
A. 841 x 594. **B.** 297 x 210. **C.** 420 x 297. **D.** 1 189 x 841.
- Câu 19.** Làm tù cạnh, mạ kẽm thuộc yêu cầu gia công và xử lí bề mặt của bản vẽ nào?
A. Bản vẽ lắp. **B.** Bản vẽ chi tiết.
C. Bản vẽ nhà. **D.** Bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết.
- Câu 20.** Trình tự đọc bản vẽ lắp là
A. khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. khung tên → kích thước → bảng kê → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
C. khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
D. hình biểu diễn → khung tên → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

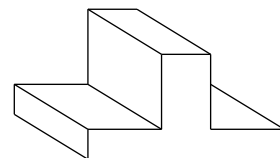
Câu 21: (1,0 điểm) Trình bày nội dung của bản vẽ chi tiết.

Câu 22: (1,0 điểm) Mô tả khái quát về vật liệu cơ khí.

Câu 23: (1,0 điểm) Vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh và hình chiếu bằng của vật thể đã cho hình 2.

Câu 24: (1,0 điểm) Nêu trình tự đọc bản vẽ lắp đơn giản.

Câu 25: (1,0 điểm) Đĩa xích của xe đạp có 50 răng, đĩa líp có 20 răng. Tính tỉ số truyền i và cho biết chi tiết nào quay nhanh hơn.



Hình 2

----- HẾT -----

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phần trắc nghiệm: (5điểm) Mỗi câu đúng từ câu 1 đến câu 20 được 0,25 điểm
- Tổng điểm phần trắc nghiệm (TN) = (Tổng số câu đúng: Tổng số câu TN của đề x 0,25)
2. Phần tự luận (5,0 điểm)
- Tổng điểm của mỗi phần không làm tròn; điểm tổng của toàn bài kiểm tra được làm tròn đến 01 chữ số thập phân.(0,25đ → 0,3đ; 0,75đ → 0,8đ).
- Bài làm đạt điểm tối đa phải đảm bảo về cách lập luận chặt chẽ trong trình bày, không sai chính tả, bài làm sạch sẽ.
- Nếu HS làm bài theo cách khác nhưng vẫn đúng bản chất và đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong đáp án thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn chấm quy định.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

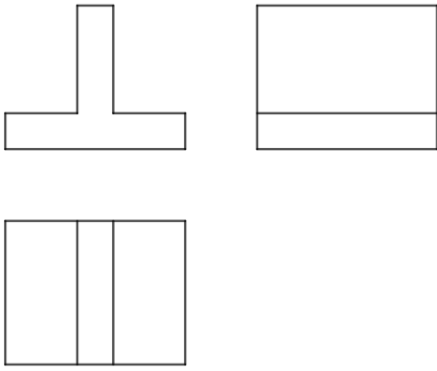
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5,0 Điểm).

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng. (từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu chọn ý đúng được 0,25 điểm)

Câu	Đề 801	Đề 802	Đề 803	Đề 804
1	B	B	C	C
2	D	C	A	A
3	D	C	A	B
4	B	D	C	D
5	D	D	A	C
6	B	C	C	D
7	B	B	C	D
8	C	D	C	D
9	B	D	A	C
10	A	B	A	D
11	A	D	A	A
12	A	C	A	B
13	B	C	A	B
14	C	B	C	A
15	B	C	A	A
16	C	C	A	C
17	D	C	C	B
18	A	A	B	A
19	A	A	A	B
20	B	C	D	C

II. PHẦN TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài	Nội dung trả lời	Điểm
21 (1,0 điểm)	- Các hình biểu diễn: gồm hình chiếu, hình cắt ... diễn tả hình dạng, cấu tạo của chi tiết.	0,25đ
	- Kích thước: gồm các kích thước xác định độ lớn của chi tiết	0,25đ
	- Các yêu cầu kỹ thuật: gồm chỉ dẫn về gia công, xử lý bề mặt.	0,25đ
	- Khung tên: gồm tên gọi chi tiết, vật liệu, tỉ lệ vẽ, họ tên của những người có trách nhiệm đối với bản vẽ.	0,25đ

22 (1,0 điểm)	- Vật liệu cơ khí bao gồm các nguyên vật liệu dùng trong ngành cơ khí để tạo nên các sản phẩm.	0,25đ
	- Vật liệu cơ khí rất đa dạng và phong phú.	0,25đ
	- Vật liệu cơ khí có các tính chất cơ bản như tính chất hoá học, tính chất vật lí, tính chất hoá học và tính chất công nghệ.	0,5đ
23 (1,0 điểm)	Hình vẽ:  <i>(Học sinh vẽ đúng 3 hình chiếu được 0,5 điểm; sắp xếp đúng vị trí được 0,5 điểm)</i>	1,0đ
24 (1,0 điểm)	Trình tự đọc bản vẽ lắp đơn giản gồm:	
	Bước 1: Khung tên	0,25đ
	Bước 2: Bảng kê	0,25đ
	Bước 3: Hình biểu diễn.	
	Bước 4: Kích thước	0,25đ
	Bước 5: Phân tích các chi tiết	
	Bước 6: Tổng hợp.	0,25đ
25 (1,0 điểm)	Tỉ số truyền của đĩa xích là: $i = \frac{50}{20} = 2,5$	0,5đ
	Vì $i = 2,5$ nên chi tiết đĩa líp quay nhanh hơn.	0,5đ

P. Thống Nhất, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Duyệt của CM trường



Trần Thị Bích Hoa

Duyệt của Tổ TN



Bùi Thị Hồng Vân

Người ra đề kiểm tra



Huỳnh Ngọc Sơn